

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LƯƠNG SƠN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ -ST
Ngày: 20/4/2022
V/v Tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khiêm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ánh Hồng, Ông Nguyễn Chí Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Vân – Thẩm tra viên chính

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa: Bà Đinh Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 306/2022/TLST - HNGĐ ngày 28/12/2021 về việc: Ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/3/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1980 (*Có mặt*)

Nơi ĐKKHKT: Xóm Đ, xã L, huyện LS, tỉnh Hòa Bình.

Chỗ ở hiện nay: Xóm Ng, xã L, huyện L S, tỉnh Hòa Bình

Bị đơn: **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1979 (*Vắng mặt*)

HKTT: Xóm Đá B, xã L, huyện LS, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong Đơn xin ly hôn đề ngày 27/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Năm 2001 chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2001 do Ủy ban nhân dân xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 31/10/2001 (Trích lục kết hôn số 150/TLKH-BS ngày 31/03/2021 của UBND xã Liên Sơn).

Sau khi cưới vợ chồng về sống tại xóm Đá Bạc và có 2 con chung. Quá trình chung sống đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C hay uống rượu, không chí thú làm ăn, chị Th có khuyên bảo nhưng anh C không

nghe còn đánh đập chị. Đến tháng 8 năm 2019 (Âm lịch) chị Th cùng các con đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại xóm Ng, xã Li sinh sống. Từ đó chị và anh C sống ly thân không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Tháng 6 năm 2021 chị đã làm đơn đề nghị ly hôn anh C nhưng được gia đình hai bên khuyên bảo chị đã tự nguyện rút đơn, Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn đã đình chỉ giải quyết vụ án, tuy nhiên anh C không thay đổi vẫn chửi bới, đui đánh chị, nên chị Th cương quyết đề nghị được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con là Nguyễn Văn D, sinh ngày 28/8/2003 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày 18/3/2007. Khi ly hôn chị Th đề nghị Tòa giao con là Nguyễn Thị Th, sinh ngày 18/3/2007 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chưa yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con Nguyễn Văn D đã trưởng thành, đi làm có thu nhập nên chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Th đề nghị tự thỏa thuận với anh C nên không đề nghị Tòa giải quyết

Về công nợ chung: không có

* Bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Xác nhận lời trình bày của chị Th về thời gian đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và công nợ chung.

Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân vì thỉnh thoảng anh có uống rượu say về nhà gây sự với vợ. Vào khoảng tháng 8/2019 âm lịch có lần anh về gây sự thì chị Th bỏ lên nhà mẹ nuôi anh C ngủ, anh C lấy xe máy đi tìm đón về đánh đập chị Th nên chị sợ quá bỏ đi lên nhà bố mẹ đẻ ở xóm Ng sinh sống. Anh C đã nhiều lần lên đón, gặp gỡ chị Th để khuyên chị Th về nhà nhưng chị Th không cho anh cơ hội. Hơn 02 năm nay vợ chồng sống ly thân, chị Th không quan tâm đến anh nữa. Nay chị Th xin ly hôn anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị Th.

Con chung: Vợ chồng có 02 con là Nguyễn Văn D, sinh ngày 28/8/2003 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày 18/3/2007. Anh C đề nghị Tòa giao hai con cho anh nuôi dưỡng và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa hôn nay chị Nguyễn Thị Th giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn C, anh C vắng mặt lần thứ 02 không có lý do, nên không có quan điểm trình bày tại Tòa.

Tại Bản tự khai con chung chưa thành niên từ đủ 07 tuổi là cháu Nguyễn Thị Th có nguyện vọng được ở với mẹ Nguyễn Thị Th

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự được bảo đảm đầy

đủ quyền và nghĩa vụ đúng luật định, việc tổng đạt văn bản tố tụng cho các đương sự đã đảm bảo, các đương sự đã tuân thủ pháp luật tố tụng. Vụ án được giải quyết và đưa ra xét xử, hoãn phiên tòa, giao hồ sơ cho VKS nghiên cứu kiểm sát đúng thời hạn luật định, không có kiến nghị gì.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 2 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn C; Giao con chung Nguyễn Thị Th cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Tài sản chung; công nợ chung: Không có; các đương sự phải nộp án phí, được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Th yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Văn C, đây là tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Nguyễn Văn C có địa chỉ cư trú tại xóm Đ, xã L, huyện LS, tỉnh Hòa Bình nên căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C đã được triệu tập xét xử hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn C kết hôn với nhau ngày 31/10/2001 là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống chị Th và anh C xác nhận hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh C uống rượu say về nhà gây sự với chị Th. Đến tháng 8/2019 Âm lịch anh C uống rượu say về gây sự và đánh đập chị Th, do sợ hãi nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm Ng, xã L ở, anh C có lên gặp gỡ trao đổi mong chị Th quay về nhưng chị Th không về và không gặp anh C. Từ đó anh chị sống ly thân, chị Th không quan tâm đến anh C và công việc nhà chồng nữa. Tháng 6 năm 2021 chị Th đề nghị ly hôn sau đó tự nguyện rút đơn tạo điều kiện cho anh C sửa chữa khuyết điểm, tuy nhiên anh C không thay đổi còn đến nhà bố mẹ chị Th chửi bới, đe dọa. Kết quả xác minh tại gia đình và chính quyền địa phương cho thấy, vợ chồng chị Th, anh C

trong thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc, anh C thường xuyên uống rượu say đuổi đánh vợ, gây ồn ào khu dân cư, chị Th do lo sợ anh C đánh nên mấy năm nay không sống cùng anh C. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị Th, anh C là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

[3] Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Văn D, sinh ngày 28/8/2003 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày 18/3/2007. Anh C có nguyện vọng được nuôi cả 02 con và chưa yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, qua xem xét HĐXX nhận thấy cháu Nguyễn Văn D đã trưởng thành, đi làm có thu nhập, còn cháu Nguyễn Thị Th chưa thành niên đang là học sinh lớp 9. Cháu Th có nguyện vọng ở với mẹ, chị Th cũng có yêu cầu được nuôi con. Xét đây là nguyện vọng chính đáng của con và chị Th nên cần giao con cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Th tự nguyện chưa yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th, anh C xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng 2015

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện về việc Ly hôn của chị Nguyễn Thị Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Th, sinh ngày 18/3/2007. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th: chưa yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Anh C

được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở. Chị Th, anh C được quyền xin thay đổi nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 003319 ngày 28/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn. Chị Nguyễn Thị Th đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS;
- UBND xã Liên Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khiêm